TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Bản án số:148/2021/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Đình H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơnxin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, chị Châu Thị H trình bày: Chị và anh Ngô Đình H1 được bạn bè giới thiệu quen biết, tìm hiểu hơn 01 năm rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với cha mẹ chồng. Tháng 9 năm 2016, chị làm công nhân may còn anh H1 làm thợ xây ở xa nhà, từ đó anh H1 không quan tâm và không gửi tiền về để chị nuôi con. Một năm

anh mới về nhà 01 lần, kiếm chuyện gây gổ đánh chị và bỏ đi không về nữa. Chị bất mãn đưa con về nhà mẹ ruột sống. Nay xét thấy không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Đình H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 và Ngô Thị H2, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa anh Ngô Đình H1vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19 tháng 5 năm 2021, anh H1 trình bày: Anh thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung như chị H trình bày. Theo anh thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do không có thời gian tìm hiểu trước nên không hiểu tính cách, không giành tình cảm cho nhau nhiều. Anh đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà nên không có thời gian gần gũi, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Năm 2018 chị H đưa con về nhà mẹ ruột sống, anh có đến thăm con nhưng ít nói chuyện với vợ. Anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con. Vợ chồng anh có 02 con chung là Ngô Quốc T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 và Ngô Thị H2, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 01 con chung. Nếu chị H nuôi 02 con thì anh không cấp dưỡng nuôi con vì anh không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phướcphát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Châu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Ngô Đình H1là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H1 đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, anh Ngô Đình H1vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[3] Về hôn nhân: Chị Châu Thị H và anh Ngô Đình H1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 8 năm 2014 tại UBND phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị H, anh H1là hôn nhân hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn. Anh H1 không đến Tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai đương sự, anh H1không đồng ý ly hôn. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh H1 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh H1.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H, anh H1 có 02 con chung là cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 và Ngô Thị H2, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016. Hiện nay 02 con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu nuôi 02 con chung còn anh H1 yêu cầu mỗi người nuôi một con. Xét thấy từ năm 2018 đến nay, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và chị vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu Hà, cháu Toàn được phát triển bình thường. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân vàgia đình giao cháu Ngô Quốc T và cháu Ngô Thị H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nên áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Quốc T và cháu Ngô Thị H2 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, cho đến khi cháu T, cháu H2 đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Châu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Ngô Đình H1 chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2Điều 81,các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Châu Thị H được ly hôn anh Ngô Đình H1.

2. Giao con chung là cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 và Ngô Thị H2, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016 cho chị Châu Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu H2, cháu T đang sống cùng với chị H.

Buộc anh Ngô Đình H1cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Quốc T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Buộc anh Ngô Đình H1 cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Thị H2 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.Chị Châu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005761 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Anh Ngô Đình H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Số 88/2014);
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên